

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/DS-ST

Ngày: 28 - 3 - 2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
Mua bán tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tuyền;

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Minh;

Bà: Trần Thị Kim Hoa;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Quân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Văn Còn, Kiểm sát viên;

Ngày 28 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 495/2018/TLST – DS ngày 23 tháng 08 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST – DS ngày 11 tháng 03 năm 2019.

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Bé P, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp Gò Cao, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ô 4, khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bà Đỗ Thị N, sinh 1958.

Địa chỉ: Số 267/76 Ô 4, khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 8 năm 2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nguyên đơn Phan Thị Bé Phượng trình bày như sau:

Vào năm 2016 chị Bé Phượng và Bà Nguyễn Thị Kim P1 có làm ăn mua bán thịt bò. Trong quá trình mua bán bà Kim Phượng có nợ tiền chị Bé Phượng.

Hai bên chốt lại số nợ vào ngày 03/11/2016, bà Kim Phượng có xác nhận số nợ là 72.000.000đ. Từ ngày 03/11/2016 đến ngày 12/5/2017 bà Kim Phượng trả góp cho chị Bé Phượng mỗi ngày 200.000đ. Số tiền bà Kim Phượng trả được cho chị Bé Phượng là 38.400.000đ, còn nợ lại 33.600.000đ.

Ngày 19/8/2017 bà Kim Phượng có xác nhận khoản nợ đối với bà Đỗ Thị Mỹ Nga người làm của chị Bé Phượng xác nhận khoản nợ là 51.690.000đ. Nhưng tại phiên hòa giải bà Kim Phượng xác nhận đối với khoản nợ ngày 30/9/2017 còn nợ chị Bé Phượng là 48.140.000đ nên chị Bé Phượng cũng thông nhất là khoản nợ ngày 30/9/2017 bà Kim Phượng nợ chị Bé Phượng là 48.140.000đ. Đối với khoản nợ này chị Bé Phượng xác định bà Kim Phượng trả góp mỗi ngày 100.000đ, trả từ 30/9/2017 đến ngày 12/8/2018, trong đó có thiếu 63 ngày chưa góp. Tổng số tiền bà Kim Phượng đã góp được là 26.700.000đ, còn nợ lại 21.440.000đ.

Ngày 14/2/2018 bà Kim Phượng tiếp tục mua thịt bò của chị Bé Phượng với số tiền là 14.276.000. Trong thời gian này chị Bé Phượng giao thịt bò cho Bà Đỗ Thị N, do bà Kim Phượng không thừa nhận khoản nợ này nên chị Bé Phượng yêu cầu bà Ngà trả số tiền 14.276.000đ.

Nay chị Bé Phượng cầu Bà Nguyễn Thị Kim P1 trả lại toàn bộ số tiền mua thịt bò còn thiếu là: 55.040.000đ. Yêu cầu bà Ngà trả số tiền 14.276.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Kim P1 trình bày:

Khoản nợ thứ nhất: Vào năm 2016 bà có thiếu tiền mua thịt bò của chị Bé Phượng với số tiền là 72.000.000đ.

Bà Kim Phượng trả góp cho chị Bé Phượng mỗi ngày 200.000đ/ngày từ ngày 03/11/2016 đến ngày 17/8/2017. Tổng cộng góp 9 tháng 15 ngày (285 ngày) số tiền góp được 57.000.000đ khoản nên nợ này bà Kim Phượng xác định còn nợ chị Bé Phượng 15.000.000đ.

Khoản nợ thứ 2: Vào ngày 30/9/2017 bà Kim Phượng có nợ chị Bé Phượng số tiền 48.140.000đ. Bà Kim Phượng đã trả góp cho chị Bé Phượng mỗi ngày 100.000đ/ngày. Tại phiên tòa bà Kim Phượng xác định đã trả từ ngày 30/9/2017 đến ngày 28/12/2018 trả được 15 tháng (450 ngày) tương đương 45.000.000đ (trong thời gian này bà Kim Phượng có thiếu 63 ngày không góp) nay bà Kim Phượng xác định đối với khoản nợ ngày 30/9/2017 bà Kim Phượng còn nợ chị Bé Phượng là: 3.140.000đ.

Bị đơn Bà Đỗ Thị N trình bày: Bà Ngà xác nhận bà chỉ trả tiền thay cho chị Kim Phượng bà không nhận thịt bò của chị Bé Phượng, chị Kim Phượng nói bà trả cho chị Bé Phượng bao nhiêu tiền thì bà trả bấy nhiêu, việc thanh toán trả tiền thịt bò thì chị Kim Phượng đưa bao nhiêu bà trả cho chị Bé Phượng bấy nhiêu, hiện tại bà không biết số nợ và không nợ tiền thịt bò chị Bé Phượng. Nay chị Bé Phượng yêu cầu bà Ngà trả số tiền 14.276.000 bà Ngà không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 16/8/2018 Chị Phan Thị Bé P gửi đơn khởi kiện Bà Nguyễn Thị Kim P1 và Bà Đỗ Thị N tại tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Căn cứ điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Căn cứ điều 427 Bộ luật dân sự, điều 184 Bộ luật tố tụng Dân sự đơn kiện của Chị Phan Thị Bé P còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Tại Tòa, vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa nhận định quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử đều tuân theo qui định pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo qui định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ vào sự thống nhất của nguyên đơn và bị đơn xác định bà Kim Phụng có nợ chị Bé Phụng hai khoản nợ vào ngày 03/11/2016 nợ 72.000.000đ và ngày 30/9/2017 nợ 48.140.000đ. Đối với hai khoản nợ này căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn thì chỉ có căn cứ xác định bà Kim Phụng đã trả cho chị Bé Phụng được 65.100.000đ, còn nợ lại 55.040.000đ đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Bà Đỗ Thị N trả 14.276.000đ là không có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về nội dung vụ án: Qua yêu cầu khởi kiện của chị Bé Phụng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào biên bản đối chất, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên Tòa, bị đơn bà Kim Phụng thừa nhận, giữa bà Kim Phụng và chị Bé Phụng có quan hệ làm ăn mua bán thịt bò, hai bên thống nhất nợ vào hai thời điểm là: Ngày 03/11/2016 bà Kim Phụng nợ chị Bé Phụng 72.000.000đ, và ngày 30/9/2017 nợ 48.140.000đ. Đối với khoản nợ ngày 03/11/2016 hai bên thống nhất bà Kim Phụng trả góp cho chị Bé Phụng từ ngày 03/11/2016 mỗi ngày trả 200.000đ, nhưng hai bên không thống nhất về thời gian ngưng trả nợ. Chị Bé Phụng thì cho rằng bà Kim Phụng trả góp từ ngày 03/11/2016 đến ngày 12/5/2017 trả được 38.400.000đ. Bà Kim Phụng thì cho rằng trả từ ngày 03/11/2016 đến ngày 18/8/2017 trả được 57.000.000đ. Đối với khoản nợ này trong sổ do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn có ghi trả từ ngày 03/11/2016 đến ngày 12/5/2017 trả được 38.400.000đ. Tại phiên Tòa bà Kim Phụng thừa nhận chữ viết chốt sổ do bà viết, như vậy lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Như vậy số nợ đối với khoản nợ ngày 03/11/2016 bà Kim Phụng còn nợ chị Bé phụng là 33.600.000đ.

Đối với khoản nợ ngày 30/9/2017 hai bên thống nhất bà Kim Phụng còn nợ chị Bé Phụng 48.140.000đ. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất là bị đơn trả góp cho nguyên đơn mỗi ngày 100.000đ, bắt đầu từ ngày 30/9/2017 (ngưng góp 63 ngày). Nhưng hai bên không thống nhất thời gian kết thúc việc trả góp,

nguyên đơn cho rằng bị đơn trả đến ngày 12/8/2018, nhưng bị đơn lại cho rằng trả đến ngày 28/12/2018. Xét thấy nguyên đơn trình bày sau khi bị đơn không trả góp cho nguyên đơn thì 3 ngày sau nguyên đơn khởi kiện ra tòa. Thực tế ngày 16/8/2018 chị Bé Phượng đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, trong khi lời trình bày của bà Kim Phượng tại Tòa cũng xác định sau khi nguyên đơn khởi kiện bị đơn không tiếp tục trả tiền cho nguyên đơn, nên có căn cứ xác định ngày 12/8/2018 bị đơn ngưng trả góp cho nguyên đơn, vì vậy lời trình bày của bà Kim Phượng là không có căn cứ chấp nhận. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ ngày 30/9/2017, xác định bà Kim Phượng đã trả được 26.700.000đ còn nợ lại 21.440.000đ. Như vậy cả hai khoản nợ bà Kim Phượng phải trả cho chị Bé Phượng là 55.040.000đ.

[5]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Ngà trả số tiền 14.276.000, thấy rằng: Trong quá trình đối chất và tại phiên Tòa chị Bé Phượng và bà Ngà cùng khẳng định bà Ngà chỉ trả tiền dùm cho chị Kim Phượng, bà Ngà không mua thịt bò của chị Bé Phượng, nên yêu cầu này của nguyên đơn không được chấp nhận. Cần bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6]. Án phí: Bà Kim Phượng và chị Bé Phượng phải chịu án phí DSST theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 430, Điều 440, của Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bé Phượng tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với chị Kim Phượng.

[2]. Buộc Bà Nguyễn Thị Kim P1 trả cho Chị Phan Thị Bé P số tiền 55.040.000đ (năm mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

[3]. Bác yêu cầu của chị Bé Phượng yêu cầu Bà Đỗ Thị N trả số tiền 14.276.000đ

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Kim Phượng phải nộp 2.752.000đ án phí DSST sung vào công quỹ Nhà nước. Chị Phan Thị Bé P phải nộp 713.000đ khấu trừ số tiền 1.912.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003117 ngày 22

tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An chị Bé Phượng được nhận lại 1.199.000đ. Bà Ngà không phải chịu án phí.

[5]. Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[6]. “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Ngọc Tuyền

